

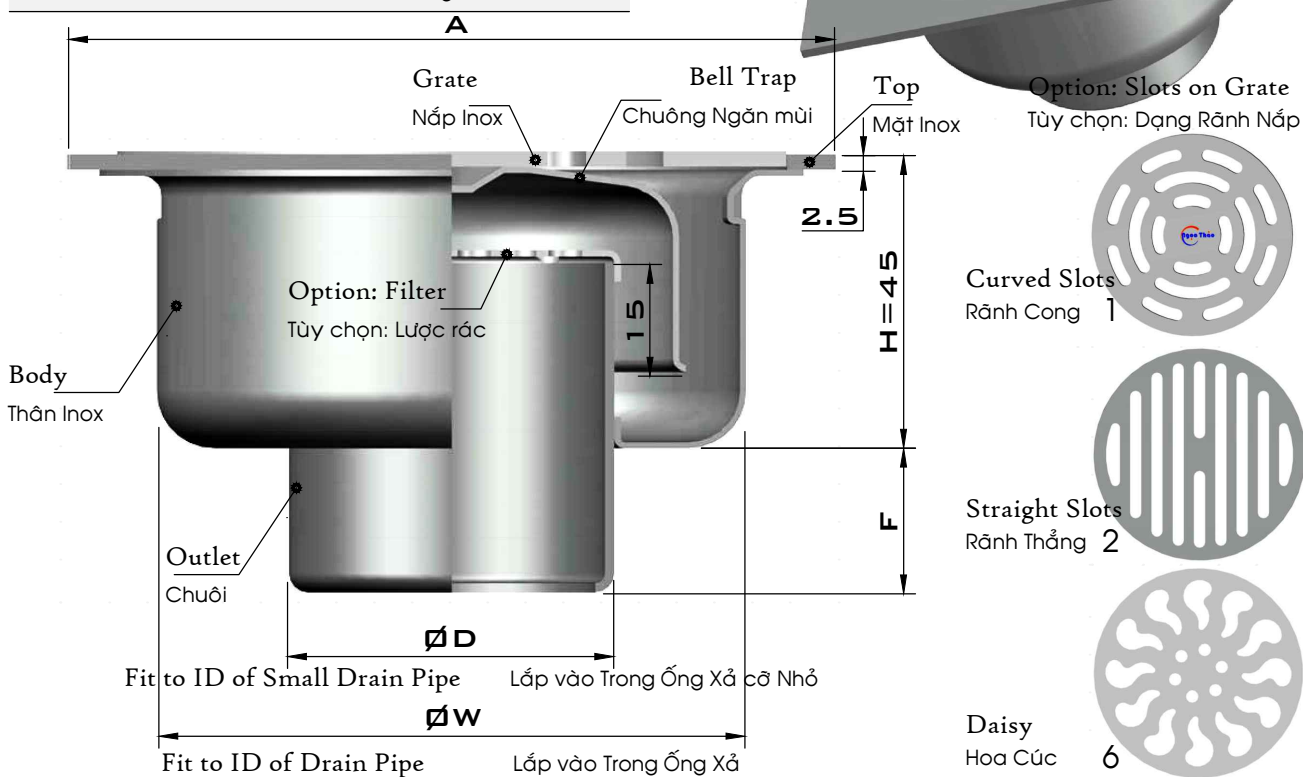
Stainless Steel Floor Drains

Phễu Inox Thu nước Sàn



Kiểu DF Model

Specification	Đặc tính
Material: 304/316 Stainless Steel	Vật liệu: Inox 304/316
Be able to connect	Có thể lắp
Drain Pipe with	Ống xả với
Outlet/Body	Chuôi/Thân phễu
Prevent foul smell	Ngăn mùi hôi



Pipe Size	Or	A	ØD	ØW	F	Free Area	Code
Kích thước Ống	Hoặc					Diện tích Rãnh thoát	Mã số
(in) (Ømm)	(in) (Ømm)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm ²)	
DN50 2 60	DN32 1 1/4 42	100	32	52	20	2,070	DF060 O 100 S1 2 23
DN65 2 1/2 75	DN40 1 1/2 49	100	42	68	24	2,070	DF075 O 100 SA 2 23
DN80 3 82	DN40 1 1/2 49	120	42	74	28	3,290	DF082 O 120 SA 2 23
DN80 3 90	DN50 2 60	100	51	81	28	2,070	DF090 O 100 SA 2 23
DN80 3 90	DN50 2 60	110	51	81	28	3,290	DF090 O 110 SA 2 23
DN80 3 90	DN50 2 60	120	51	81	28	3,290	DF090 O 120 SA 2 23
DN100 4 114	DN65 2 1/2 75	120	67	102	30	3,290	DF114 O 120 SA 2 23
DN100 4 110	DN65 2 1/2 75	140	67	98	30	3,290	DF110 O 140 SA 2 23
DN100 4 114	DN65 2 1/2 75	140	67	102	30	3,290	DF114 O 140 SA 2 23
DN125 5 140	DN80 3 90	150	80	125	32	5,130	DF140 O 150 SA 2 23
DN150 6 168	DN100 4 114	180	102	152	40	6,800	DF168 O 180 SA 2 23

With/Without Filter
Có/Không có Lưới rác

A/1

304/316 Stainless Steel
Inox 304/316

3/4

Curved/Straight/Daisy/Asterisk
Rãnh Cong/Thẳng/Hoa Cúc/Hoa Thị

1/2/6/X